

MẠCH LẠC TRONG QUAN HỆ GIỮA ĐỀ TÀI – CHỦ ĐỀ CỦA TIỂU THUYẾT BẾN KHÔNG CHỜNG

ĐẶNG THỊ LÀNH^(*)

1. Khái niệm mạch lạc

Mạch lạc thường được xem như là “sợi dây” nối các yếu tố mang nghĩa trong văn bản. Nhưng cho đến nay, thuật ngữ mạch lạc có khá nhiều định nghĩa không giống nhau. David Nunan định nghĩa: “mạch lạc là tầm rộng mà ở đó diễn ngôn được tiếp nhận như là có “mắc vào nhau” chứ không phải là một tập hợp câu hoặc phát ngôn không có liên quan với nhau”⁽¹⁾. Theo Diệp Quan Ban, mạch lạc là “sự nối kết có tính chất hợp lí về mặt nghĩa và về mặt chức năng, được trình bày trong quá trình triển khai một văn bản (như một truyện kể, một cuộc thoại, một bài nói hay bài viết...) nhằm tạo ra những sự kiện nối kết với nhau”⁽²⁾. Định nghĩa này đã phần nào nêu được đặc trưng vốn có của mạch lạc, đó là mặt nghĩa, mặt chức năng đối với việc hình thành văn bản và sử dụng văn bản. Nguyễn Thiện Giáp cho rằng “văn bản mạch lạc là văn bản ở đó, người giải mã có thể cấu trúc lại sơ đồ của người nói một cách hợp lí bằng cách suy luận những mối liên hệ giữa các câu và những mối liên hệ riêng biệt của chúng với những mục đích thứ cấp khác nhau trong sơ đồ giải thích, khiến cho sự khó hiểu trở nên dễ hiểu”⁽³⁾. Theo quan niệm này, mạch lạc sẽ không phụ thuộc vào những đặc trưng liên kết lẫn nhau mà phụ thuộc vào quy mô mà người tạo văn bản cố gắng đạt được để cấu trúc một sơ đồ hợp lí trong việc tạo ra văn bản.

Như vậy mạch lạc chính là mạng lưới quan hệ nội dung giữa các từ trong một câu, các câu trong một đoạn văn và các đoạn trong một văn bản tạo nên một chỉnh thể. Một diễn ngôn hoặc một văn bản gồm các câu có liên hệ về nghĩa với nhau, cùng hướng vào một chủ đề nhất định là một diễn ngôn hoặc một văn bản có mạch lạc.

^(*) ThS. - Khoa Ngữ văn và Văn hóa học, Trường Đại học Đà Lạt.

Biểu hiện của mạch lạc rất đa dạng. Diệp Quang Ban đã chỉ ra một số biểu hiện dễ nhận thấy của mạch lạc như: Mạch lạc biểu hiện trong quan hệ giữa các từ ngữ trong một câu; mạch lạc biểu hiện trong quan hệ giữa các đề tài - chủ đề của các câu; mạch lạc biểu hiện trong quan hệ giữa các thành phần nêu đặc trưng ở những câu có quan hệ nghĩa với nhau; mạch lạc biểu hiện trong trật tự hợp lí giữa các câu hay các mệnh đề; mạch lạc biểu hiện trong quan hệ giữa từ ngữ trong văn bản với tình huống bên ngoài văn bản, hay là mạch lạc theo quan hệ ngoại chiếu; mạch lạc biểu hiện trong quan hệ thích hợp giữa các hành động ngôn ngữ nói; mạch lạc biểu hiện trong quan hệ lập luận⁽⁴⁾.

Trong phạm vi bài viết này, người viết chỉ tập trung tìm hiểu biểu hiện của mạch lạc trong quan hệ giữa đề tài - chủ đề vì việc xác định đề tài, chủ đề và sự thống nhất của hai yếu tố này tạo nên tính logic trong nội dung diễn ngôn.

2. Khái niệm đề tài và chủ đề

Trong *Từ điển thuật ngữ văn học*, khái niệm đề tài được xác định: “là khái niệm chỉ các loại hiện tượng đời sống được miêu tả, phản ánh trực tiếp trong các sáng tác văn học. Đề tài là phương diện khách quan của nội dung tác phẩm. Các hiện tượng đời sống có thể liên kết với nhau thành loại theo mối liên hệ bên ngoài giữa chúng. Cho nên, có thể xác định đề tài văn học theo giới hạn bề ngoài của phạm vi hiện thực được phản ánh trong tác phẩm... Các hiện tượng đời sống lại có thể liên kết với nhau thành loại theo mối quan hệ bên trong của chúng. Cho nên cũng có thể xác định đề tài văn học theo giới hạn bên trong của phạm vi hiện thực được phản ánh trong tác phẩm”⁽⁵⁾. Chủ đề là “vấn đề cơ bản, vấn đề trung tâm được tác giả nêu lên, đặt ra nội dung cụ thể của tác phẩm văn học. Nếu khái niệm đề tài giúp ta xác định tác phẩm viết về cái gì thì khái niệm chủ đề lại giải đáp câu hỏi: vấn đề cơ bản của tác phẩm là gì”⁽⁶⁾.

Như vậy, đề tài và chủ đề đều là phương diện khách quan của nội dung tác phẩm và là cơ sở để người đọc thâm nhập tác phẩm. Đề tài được xem như là phạm vi hiện thực được đề cập tới trong tác phẩm, còn chủ đề là hướng triển khai đề tài nhằm một mục đích nhất định. Đề tài thường có phạm vi rộng hơn, bao trùm lên chủ đề, cùng một đề tài có thể triển khai theo nhiều chủ đề khác nhau tùy theo quan điểm, lập trường và phương hướng, cách thức phản ánh đời sống của nhà văn.

Đề tài và chủ đề có mối quan hệ mật thiết không thể tách rời: Chủ đề được hình thành trên cơ sở của đề tài, là phương diện chính của đề tài; chủ đề được

hình thành trên cơ sở đề tài nhưng đề tài không quyết định hoàn toàn chủ đề. Việc xác định đề tài, chủ đề và tính thống nhất của hai yếu tố này để tạo nên tính logic trong nội dung của diễn ngôn là điều không thể bỏ qua khi nghiên cứu mạch lạc

3. Mạch lạc biểu hiện trong mối quan hệ giữa đề tài và chủ đề của *Bến không chồng*

3.1. Mạch lạc thể hiện trong tính thống nhất giữa đề tài và chủ đề

Đề tài của diễn ngôn *Bến không chồng* là “Cuộc sống bi thương của người dân nông thôn miền Bắc Việt Nam thời hậu chiến”. Dương Hương đã triển khai đề tài này trên nhiều phương diện: Bi kịch cá nhân, vấn đề dòng tộc, công cuộc cải cách ruộng đất... Đặc biệt, vấn đề bi kịch cá nhân được nhà văn tập trung khai thác, bóc tách để làm bật lên sự thê lương của đời sống hậu phương. Cụ thể, tác giả đã phơi bày hiện thực cuộc sống âm đạm, đau thương của làng quê Bắc bộ Việt Nam với những nỗi đau chồng chất, có những nỗi đau không nói thành lời: Hạnh và Nghĩa chia tay trong sự đau đớn và tuyệt vọng. Dâu ôm ấp mối tình với Hiệp, hi vọng có ngày anh trở về, nhưng rồi cái cô nhận được trên tay là mảnh giấy báo tử. Cúc chối bỏ Thành vì không chấp nhận được sự dị dạng trên khuôn mặt anh do chiến tranh đưa lại. Hạnh bỏ làng đi, rồi trở về cùng đứa con của Vạn, những tưởng sẽ có một tương lai tốt đẹp hơn thì Vạn lại ra đi. Vạn tìm đến cái chết như là sự kết thúc cho chuỗi bi kịch cuộc đời mình. Tất cả đều thấm đẫm bi kịch, nỗi buồn thương ... Đây chính là kết quả thống nhất trong đề tài mà nhà văn xây dựng.

Từ đề tài trên, Dương Hương đã soi vào đời sống hậu phương (từ 1954 đến sau 1975) một cái nhìn mới. Các nhân vật trong *Bến không chồng* đều phải gánh chịu những hi sinh, mất mát vô cùng to lớn. Từ bi kịch của những người chiến đấu ngoài mặt trận đến những người ngóng đợi nơi hậu phương đã tạo nên một nốt trầm bên cạnh những thắng lợi vẻ vang của miền Bắc sau giải phóng. Đó là những người vợ, người mẹ phải oằn mình gánh chịu mất mát, hi sinh, với bao khổ đau cả về thể xác lẫn tâm hồn (Hạnh, bà Nhân, Thủy, Dâu, Thẩm, Cúc, Thao...), họ phải đè nén những khát vọng bản năng để làm tròn trách nhiệm của hậu phương vững chắc. Đó chính là chủ đề tư tưởng, giá trị nhân văn, nhân bản của *Bến không chồng*.

Có thể nói, mối quan hệ giữa đề tài và chủ đề trong diễn ngôn *Bến không chồng* được nhà văn triển khai thống nhất và linh hoạt, cho thấy sự nhất quán

trong tư tưởng của nhà văn. Dương Hương đã nhìn thấu nỗi khổ đau, bất hạnh và niềm khát khao hạnh phúc trong con người.

3.2. Mạch lạc thể hiện trong việc duy trì đề tài

Duy trì đề tài “là trường hợp một vật, một việc nào đó được nhắc lại trong những câu khác nhau với tư cách là đề tài của câu đó. Các từ ngữ diễn đạt đề tài này trong các câu khác nhau có thể chỉ là một và được lặp lại mà cũng có thể là những yếu tố có bề ngoài khác nhau, nhưng cùng chỉ về vật, việc, hiện tượng đó”⁽⁷⁾. Duy trì đề tài thể hiện ở việc tác giả sử dụng những phép liên kết như phép thế, phép lặp từ vựng, phép tỉnh lược... Các phép liên kết này liên kết chặt chẽ với nhau giúp duy trì mạch lạc diễn ngôn. Để triển khai nội dung diễn ngôn chặt chẽ thì không thể thiếu yếu tố hình thức này.

Qua khảo sát, chúng tôi thấy, nhân vật Hạnh được lặp lại với 1431 lần với các từ như: con bé Hạnh, Hạnh, cô, nó, cô bé, cháu, cô dâu, con gái, vợ Nghĩa, con dâu, chị, con, nàng dâu, vợ, bà thiếu tá... Tác phẩm với 351 trang nhưng nhân vật này xuất hiện với tần suất khá lớn (bình quân xuất hiện 4,2 lần/trang) cho thấy đây là nhân vật trung tâm, có sức ảnh hưởng và ý nghĩa lớn đối với việc gửi gắm chủ đề, tư tưởng của nhà văn.

Các nhân vật khác: bà Nhân cũng được lặp lại 454 lần dưới các từ như: mẹ, mẹ Hạnh, mẹ vợ, mẹ Nhân, chị Nhân... Thủy xuất hiện 381 lần với những tên: em gái, cô gái, em, cô ta, chị, bác sĩ, người ấy, người ta, chị ấy, cô em. Dâu xuất hiện 314 lần; Cúc được nhắc đến 93 lần với những tên như: cô, em, Cúc; nhân vật Thao nhắc đến 47 lần dưới những tên: cô, Thao, à; nhân vật bà Hôn xuất hiện 275 lần với những tên gọi: con mẹ Hôn, cô à, con dâu địa chủ, vợ thằng Công, nó, mẹ ta, con, nhà chị, chị, mẹ thằng Tồn, mẹ chồng, nhà nó... cũng chứng tỏ vai trò không nhỏ của các nhân vật này trong việc góp phần thể hiện tình cảm của nhà văn với đời sống hậu phương.

Bến không chồng tập trung miêu tả số phận bi thảm của những người phụ nữ gắn với bến sông làng Đông. Do chiến tranh, do những hủ tục lạc hậu một thời mà những người phụ nữ ấy trở thành không chồng theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Hình ảnh “bến Không chồng” cứ trở đi, trở lại như một hình ảnh ẩn dụ với bao điều đáng suy ngẫm.

Trong văn bản, “Bến không chồng” xuất hiện 23 lần, xuất hiện 8 lần với tên gọi “Bến Tình” và xuất hiện dày đặc dưới những biến thể tên gọi như: sông Đình, bờ sông, bến sông, bãi sông, đoạn sông, dòng sông, mặt sông...

Bến, trước hết là không gian bình yên, thanh thản của người dân làng Đông, gắn với cuộc sống, nếp sinh hoạt của con người nơi đây: con sông quê “chảy qua làng Đông uốn lượn như một con rồng. Nước sông như dòng sữa mẹ làm tươi tốt đất và người làng Đông”⁽⁸⁾; “nước sông trong veo lặng lẽ trôi, mùa lũ nước sông dâng lên xăm xấp đôi bờ cỏ xanh tốt”⁽⁹⁾; “dòng sông thấp thoáng hồng lên rắng đỏ hoàng hôn”⁽¹⁰⁾ dòng sông uốn lượn, nước dâng lên giữa miền quê xanh ngắt bóng tre. Nắng lấp lóa trên mặt nước”⁽¹¹⁾...

Bến cũng là nơi gắn bó, lưu giữ những kỉ niệm thời tuổi trẻ của gái làng Đông. Bến cũng là nhân chứng cho những cuộc tình bền chặt. Tuổi thơ, tình yêu, cuộc hôn nhân của Nghĩa – Hạnh cũng gắn với bến sông. Đêm tân hôn, bến sông trở thành nhân chứng cho cuộc tình của họ. Nơi đây cũng là nơi chứng kiến cuộc chia tay, tình yêu ập ú của Dầu và Nghĩa.

Bến mang vẻ đẹp người con gái làng Đông. Bởi vậy mà bến sông có vẻ đẹp lạ lùng, giúp mọi người quên hết mọi ưu phiền “nước Bến tình mát, dễ làm lòng người khoái cảm”⁽¹²⁾. Bến là nơi hò hẹn, nơi che chở, ôm ấp con người giúp họ quên đi mọi ưu phiền cuộc sống. Bởi thế cho nên người làng Đông có thói quen chiều chiều ra bến Tình tắm để quên hết mọi cực nhọc, buồn đau “chiều chiều từng đàn trâu ghé, bò bê đến lũ trẻ con, người già, con trai con gái dắt nhau ra bến Không chông tắm. Họ mãi nhón nhơ vui thú với nước với gió sau bao ngày làm việc mệt nhọc”⁽¹³⁾.

Bến còn là bến đợi với những bi kịch cá nhân. Ngay từ đầu tác phẩm, bến Tình được đề cập đến qua sự tích cô gái làng Đông tự vẫn để giữ lòng thủy chung với người yêu. Chi tiết này như hàm ẩn nghĩa sự đợi chờ vĩnh viễn, sự nuôi giữ bền chặt mối tình đầu của các cô gái làng Đông. Hạnh, Dầu, Thắm, Cúc, lần lượt tiễn người yêu vào chiến trường rồi mòn mỏi đợi chờ người yêu trở về... Nơi bến sông ấy, xưa kia mẹ Hạnh cũng từng mòn mỏi ngóng trông chồng đi chiến trận. Giờ đến Hạnh chờ Nghĩa, Dầu đợi Hiệp, Cúc mong Thành, Thắm ngóng anh chàng pháo thủ... Những ngày đợi chờ, khắc khoải hi vọng trở thành điệu chung của làng Đông “những hi vọng ngày một mỏng manh, nhưng dù mỏng manh vẫn hơn là tắt hẳn”⁽¹⁴⁾.

Bến là nơi kết thúc mọi bi kịch, khổ đau của đời người, là nơi chấm dứt một quá khứ u buồn của người làng Đông. Kết thúc tác phẩm, Nguyễn Vạn – người lính Điện Biên oai hùng năm xưa đã gieo mình xuống bến sông tìm đến cái chết như là một cách trốn chạy hiện thực trước hạnh phúc được làm chồng, làm cha.

Nếu trước đây, bến sông từng là nơi Vạn sinh sống, là chứng nhân cho bao giằng xé, dần vật trong tâm hồn con người cả đời cố sống cho lí trí thì nay, bến lại dang tay đón Vạn về với cát bụi. Ngay cả trong đám tang đưa tiễn Nguyễn Vạn - "một đám tang như một "hóa giải" cho bao xót xa, lâm lạc, bất hạnh có mặt trong cõi đời"⁽¹⁵⁾, bến cũng hòa cùng dòng người nhấp nhô kia để nói lời chia biệt: "Đám tang ra tới cầu Đá Bạc thì rẽ xuống Bến Không Chờng"⁽¹⁶⁾.

Như vậy, bến có thể được xem như là không gian sinh hoạt của con người, nơi gửi gắm bao nhớ thương, chờ đợi, nơi chứng kiến những khổ đau, bất hạnh. Đồng thời, bến cũng là nơi chấm dứt mọi bi kịch cá nhân. Có thể thấy việc kết hợp linh hoạt nhiều phép liên kết như phép lặp, phép thế... này đã giúp nhà văn duy trì đề tài, giúp ngôn ngữ tác phẩm trở nên súc tích, cô đọng và mạch lạc.

4. Kết luận

Mối quan hệ đề tài - chủ đề là quan hệ thống nhất, gắn bó chặt chẽ. Từ đề tài về cuộc sống nông thôn miền Bắc sau kháng chiến chống Pháp, Dương Hương đã tập trung kể về bi kịch cá nhân, số phận con người gắn với những tổn thất nặng nề của chiến tranh, của những hủ tục, lối suy nghĩ ấu trĩ, sai lầm một thời. Tác giả trần trụi với tiếng nói về quyền của con người, đặc biệt là người phụ nữ. Đó là quyền được sống, được yêu thương với những khát vọng về tình yêu, hạnh phúc. Ở *Bến không chờng*, Dương Hương không chỉ phơi bày, tố cáo hiện thực nhờ lựa chọn đề tài mà qua quá trình duy trì, phát triển đề tài - chủ đề đã phản ánh giá trị nhân đạo quý giá cho tác phẩm. Sự thống nhất này đã giúp tác giả phản ánh trọn vẹn ý nghĩa của *Bến không chờng* một cách logic và thành công.

(1) David Nunan: *Dẫn nhập phân tích điển ngôn* (Hồ Mỹ Huyền, Trúc Thanh dịch), Nxb. Giáo dục Việt Nam, H., 1998, tr.165.

(2) (4), (7) Diệp Quang Ban: *Giao tiếp điển ngôn và cấu tạo của văn bản*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, H., 2012, tr. 297, tr. 298, 301.

(3) Nguyễn Thiện Giáp: *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010, tr.254.

(5), (6) Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đồng chủ biên: *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, H., 2006, tr. 110, 52.

(8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (16) Dương Hương: *Bến Không chờng*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2015, tr.19, 22, 328, 296, 22, 324, 212, 315.

(15): Phong Lê: *Từ Bến không chờng đến Dưới chín tầng trời* in trong: *Dương Hương văn và đời*, Nxb. Hội nhà văn, H., 2015, tr. 11.